

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-42
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính	17-42

23703  
HI NH  
CÔNG  
NHIỆM  
TOÁN  
ĐẤT V  
TẠI HÀ  
GIẤY

P: 6  
CỔ  
C  
CHỨ  
A  
HAI BÀ T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán APG.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
Bà Mai Thanh Phương	Ủy viên
Ông Võ Quý Lâm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban
----------------------	------------

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Số: 0903/2021/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30/03/2020.

Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội



**Nguyễn Thành Nam**

Phó giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3528-2021-037-1

*Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021*

**Vũ Trường Giang**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4145-2017-037-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>173.219.531.150</b>	<b>146.775.525.459</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>172.582.454.426</b>	<b>144.358.086.020</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.753.583.036	1.544.325.537
111.1	1.1 Tiền		3.753.583.036	1.544.325.537
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	50.467.262.500	50.453.956.700
114	3. Các khoản cho vay	5	16.359.377.563	19.963.452.216
117	4. Các khoản phải thu	6	30.790.724.300	14.545.123.611
117.2	4.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		30.790.724.300	14.545.123.611
117.4	4.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		30.790.724.300	14.545.123.611
118	5. Trả trước cho người bán	7	57.747.600.000	57.702.600.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	6.755.670.027	148.627.956
122	7. Các khoản phải thu khác	6	6.708.237.000	-
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>637.076.724</b>	<b>2.417.439.439</b>
131	1. Tạm ứng		584.341.460	2.283.582.810
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		-	73.860.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	43.925.264	48.475.419
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	5.200.000	5.200.000
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		3.610.000	6.321.210
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>241.852.455.994</b>	<b>239.319.545.735</b>
210	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>232.120.000.000</b>	<b>234.570.000.000</b>
212	1. Các khoản đầu tư	10	232.120.000.000	234.570.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		232.120.000.000	234.570.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.438.300.917</b>	<b>2.596.834.491</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.195.797.218	324.491.750
222	- Nguyên giá		7.517.590.446	5.429.496.446
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.321.793.228)	(5.105.004.696)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.242.503.699	2.272.342.741
228	- Nguyên giá		10.016.296.230	5.972.296.230
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.773.792.531)	(3.699.953.489)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.294.155.077</b>	<b>2.152.711.244</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	47.310.000	47.310.000
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	2.246.845.077	2.105.401.244
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>415.071.987.144</b>	<b>386.095.071.194</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>15.459.978.776</b>	<b>11.730.581.804</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>14.059.978.776</b>	<b>10.330.581.804</b>
316	1. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14	2.970.000.000	1.070.000.000
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	493.550.000	57.550.000
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		537.500.000	1.534.500.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.211.203.601	7.375.690.610
323	5. Phải trả người lao động		-	187.626.400
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	31.300.000
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.545.861.918	-
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	301.863.257	73.914.794
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	14	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>399.612.008.368</b>	<b>374.364.489.390</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>399.612.008.368</b>	<b>374.364.489.390</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		340.289.000.000	340.289.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		340.289.000.000	340.289.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		340.289.000.000	340.289.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		58.572.008.368	33.324.489.390
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		59.336.306.818	34.102.232.909
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(764.298.450)	(777.743.519)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>415.071.987.144</b>	<b>386.095.071.194</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành	19	34.028.900	34.028.900
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	1.021.950.000	1.021.940.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	20.360.000.000	20.360.000.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	129.446.140.000	250.106.360.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		97.082.510.000	245.310.910.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.150.000	4.150.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		28.748.180.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		3.611.300.000	4.791.300.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	669.970.000	10.600.000.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		669.970.000	10.600.000.000

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	1.937.523.764	539.692.977
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.937.523.764	539.692.977
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	1.937.523.764	539.692.977
031.1	4.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		1.937.523.764	539.692.977



Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	39.855.269	25.112.950
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	39.855.269	17.372.450
01.3		c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	-	7.740.500
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	16.307.216.267	14.335.847.000
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	7.386.608.477	325.974.039
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.105.119.192	547.430.558
08	1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.755.000.000	-
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	152.104.007	171.776.192
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.024.000.000	115.120.325.000
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	141.443.833	-
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>36.911.347.045</b>	<b>130.526.465.739</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	26.410.200	60.096.092.000
21.1		a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	-	60.096.080.000
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.410.200	12.000
22	2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	825.000
24	2.3	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các	-	32.528.543.981
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	464.602.238	1.349.414.817
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	72.000.000	376.196.761
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	2.145.000
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác	1.834.803.651	1.125.572.540
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>2.397.816.089</b>	<b>95.478.790.099</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>28</b>		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.883.100	120.027.499
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>2.883.100</b>	<b>120.027.499</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
52	4.1 Chi phí lãi vay		454.412.619	73.914.795
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	(266.679.638)
55	4.3 Chi phí tài chính khác		-	1.340.000.000
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>454.412.619</b>	<b>1.147.235.157</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>29</b>	<b>4.568.953.896</b>	<b>4.081.313.804</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>29.493.047.541</b>	<b>29.939.154.178</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác		11.126.833	26.171.696
72	8.2 Chi phí khác	30	175.860.353	116.398.146
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(164.733.520)</b>	<b>(90.226.450)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>29.328.314.021</b>	<b>29.848.927.728</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		29.314.868.952	29.831.567.278
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		13.445.069	17.360.450

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	31	4.080.795.043	5.968.237.446
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.	4.080.795.043	5.968.237.446
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<b>25.247.518.978</b>	<b>23.880.690.282</b>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	742	729


Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		29.328.314.021	29.848.927.728
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.742.157.093	31.014.434.481
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.290.627.574	138.682.842
04	- Các khoản dự phòng		-	32.261.864.343
06	- Chi phí lãi vay		454.412.619	73.914.795
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.883.100)	(1.460.027.499)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		26.410.200	12.000
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		26.410.200	12.000
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(39.855.269)	(17.372.450)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(39.855.269)	(17.372.450)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(28.069.557.646)	(270.021.388.000)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		139.269	(19.654.786.155)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		2.450.000.000	(234.570.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		3.604.074.653	(3.408.654.411)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(16.245.600.689)	(14.518.726.990)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(7.604.042.071)	1.829.092.452
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(6.708.237.000)	797.750.904
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		1.634.368.727	3.591.848.054
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		4.550.155	23.430.844
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.966.313.456)	(1.372.616.229)
44	- Lãi vay đã trả		(359.550.701)	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		391.000.000	(2.602.975.331)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		(31.300.000)	(72.885.240)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		721.031.404	(79.146.918)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(187.626.400)	16.281.020
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		227.948.463	-
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.987.468.399</b>	<b>(209.175.386.241)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.681.094.000)	(2.714.833.000)
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.883.100	120.027.499
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.678.210.900)</b>	<b>(2.594.805.501)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	205.000.000.000
73	3. Tiền vay gốc		3.670.000.000	2.470.000.000
73.2	3 Tiền vay khác		3.670.000.000	-
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.770.000.000)	-
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(1.770.000.000)	-
<b>80</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.900.000.000</b>	<b>207.470.000.000</b>
<b>90</b>	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>2.209.257.499</b>	<b>(4.300.191.742)</b>
<b>101</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>1.544.325.537</b>	<b>5.844.517.279</b>
101.1	- Tiền		1.544.325.537	5.844.517.279
<b>103</b>	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>3.753.583.036</b>	<b>1.544.325.537</b>
103.1	- Tiền		3.753.583.036	1.544.325.537

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		697.043.840.300	232.113.092.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.154.840.137.700)	(253.137.645.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		944.757.553.941	194.209.989.760
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(485.411.321.747)	(172.595.646.447)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(152.104.007)	(376.196.761)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		855.534.138	1.190.227.722
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(855.534.138)	(1.190.227.722)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>1.397.830.787</b>	<b>213.593.953</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>539.692.977.000</b>	<b>326.099.024</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		539.692.977	326.099.024
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		539.692.977	326.099.024
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		<b>1.937.523.764</b>	<b>539.692.977</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.937.523.764	539.692.977
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.937.523.764	539.692.977

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2019		01/01/2020		Năm 2019		Năm 2020	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	340.289.000.000	205.000.000.000	-	-	-	-	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.289.000.000	340.289.000.000	205.000.000.000	-	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000	-	-	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối		9.443.799.108	33.324.489.390	23.880.690.282	-	25.247.518.978	-	-	-
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		10.238.903.077	34.102.232.909	23.863.329.832	-	25.234.073.909	-	-	-
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(795.103.969)	(777.743.519)	17.360.450	-	13.445.069	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>145.483.799.108</b>	<b>374.364.489.390</b>	<b>228.880.690.282</b>	-	<b>25.247.518.978</b>	-	<b>374.364.489.390</b>	<b>399.612.008.368</b>

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán APG.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 340.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 340.289.000.000 đồng; tương đương 34.028.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 với mã giao dịch là APG (từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 đến ngày 22 tháng 11 năm 2016 cổ phiếu của Công ty giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

*a) Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*b) Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## **2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

## **2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phần mềm giao dịch 05 - 10 năm

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

#### 2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

#### 2.13 . Doanh thu, thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

#### **2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

#### **2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

#### **2.16 . Các khoản thuế**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

#### **2.17 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của nhà đầu tư	<b>208.067.913</b>	<b>1.851.883.978.000</b>
- Cổ phiếu	208.067.913	1.851.883.978.000
	<b>208.067.913</b>	<b>1.851.883.978.000</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	166.984.833	984.605.686
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	3.586.598.203	559.719.851
	<b>3.753.583.036</b>	<b>1.544.325.537</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	933.725.500	169.462.500	933.864.769	156.156.700
Cổ phiếu chưa niêm	50.297.800.000	50.297.800.000	50.297.800.000	50.297.800.000
	<b>51.231.525.500</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.453.956.700</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**b) Các khoản cho vay**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hoạt động margin	8.730.598.614	16.483.673.329
Hoạt động ứng trước tiền bán	7.628.778.949	3.479.778.887
	<b>16.359.377.563</b>	<b>19.963.452.216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**c) - Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)**

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
<b>FVTPL</b>	<b>51.231.525.500</b>	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>6.855.700</b>	<b>412.931</b>	<b>(771.118.700)</b>	<b>(778.121.000)</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>50.453.956.700</b>
Cổ phiếu niêm yết (*)	933.725.500	933.864.769	169.462.500	156.156.700	6.855.700	412.931	(771.118.700)	(778.121.000)	50.467.262.500	50.453.956.700
- Sàn Hồ Chí Minh	-	139.269	710.200	545.200	710.200	405.931	-	-	169.462.500	156.156.700
Cổ phiếu lẻ	-	139.269	710.200	545.200	710.200	405.931	-	-	710.200	545.200
- Sàn Upcom	933.725.500	933.725.500	168.752.300	155.611.500	6.145.500	7.000	(771.118.700)	(778.121.000)	168.752.300	155.611.500
NOS	788.725.500	788.725.500	17.606.800	44.017.000	-	-	(771.118.700)	(744.708.500)	17.606.800	44.017.000
BLI	145.000.000	145.000.000	151.137.500	111.587.500	6.137.500	-	-	(33.412.500)	151.137.500	111.587.500
Cổ phiếu lẻ	-	-	8.000	7.000	8.000	7.000	-	-	8.000	7.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	50.297.800.000	50.297.800.000	50.297.800.000	50.297.800.000	-	-	-	-	50.297.800.000	50.297.800.000
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVCK)	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXY)	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000
- Công ty CP Đầu tư-Đông Âu (DAU)	49.872.800.000	49.872.800.000	49.872.800.000	49.872.800.000	-	-	-	-	49.872.800.000	49.872.800.000
<b>51.231.525.500</b>	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>6.855.700</b>	<b>412.931</b>	<b>(771.118.700)</b>	<b>(778.121.000)</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>50.453.956.700</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2020.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	4.195.125
Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	30.771.847.000	14.335.847.000
Phải thu lãi hoạt động Margin	18.877.300	205.081.486
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	6.755.670.027	148.627.956
- Phải thu hợp đồng tư vấn tài chính	114.950.000	-
- Phải thu hợp đồng tư vấn mua cổ phiếu	6.605.000.000	-
- Phải thu nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	35.720.027	148.627.956
Phải thu khác	6.708.237.000	-
- Phải thu lãi hợp đồng đặt mua trái phiếu	6.708.237.000	-
	<b>44.254.631.327</b>	<b>14.693.751.567</b>

**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	-	28.390.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Mĩ Hoa	-	16.650.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hoa	-	12.540.000.000
Lê Hữu Tường (1)	14.000.000.000	-
Nguyễn Văn Phúc (2)	14.530.000.000	-
Lê Thị Thu (3)	14.650.000.000	-
Nguyễn Đức Hạnh (4)	14.400.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	167.600.000	122.600.000
	<b>57.747.600.000</b>	<b>57.702.600.000</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản ứng trước:**

(1): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 301103/2020/APG-HĐĐC ngày 30/11/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 280.000 trái phiếu HCMB18240;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/04/2021.

(2): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 301102/2020/QPG-HĐĐC ký ngày 30/11/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 290.000 trái phiếu HCMA1805;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/04/2021.

(3): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 301104/2020/APG-HĐĐC ngày 30/11/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 229.300 trái phiếu TD1833130;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/04/2021.

(4): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 301101/2020/APG-HĐĐC ngày 30/11/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 288.000 trái phiếu HCMA1805;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/04/2021.

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	43.925.264	48.475.419
	<b>43.925.264</b>	<b>48.475.419</b>
<b>9 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc mua nước uống	5.200.000	5.200.000
	<b>5.200.000</b>	<b>5.200.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	37.310.000	37.310.000
	<b>47.310.000</b>	<b>47.310.000</b>
<b>10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	232.120.000.000	234.570.000.000
- Trái phiếu Than Quốc tế (*)	232.120.000.000	234.570.000.000
	<b>232.120.000.000</b>	<b>234.570.000.000</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang nắm giữ 23.212 trái phiếu Công ty Cổ phần Than Quốc tế; Mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu; kỳ hạn 60 tháng; lãi suất trái phiếu: 7%/năm cho 24 tháng đầu tiên và 9%/năm cho 36 tháng tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
		VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	-	5.429.496.446	5.429.496.446
Mua trong năm	2.020.994.000	67.100.000	2.088.094.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.020.994.000</b>	<b>5.496.596.446</b>	<b>7.517.590.446</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	-	5.105.004.696	5.105.004.696
Khấu hao trong năm	134.732.932	82.055.600	216.788.532
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>134.732.932</b>	<b>5.187.060.296</b>	<b>5.321.793.228</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	-	324.491.750	324.491.750
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>1.886.261.068</b>	<b>309.536.150</b>	<b>2.195.797.218</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.052.768.446 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2020	5.972.296.230	5.972.296.230
Mua trong năm	4.044.000.000	4.044.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>10.016.296.230</b>	<b>10.016.296.230</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2020	3.699.953.489	3.699.953.489
Khấu hao trong năm	1.073.839.042	1.073.839.042
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.773.792.531</b>	<b>4.773.792.531</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	2.272.342.741	2.272.342.741
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>5.242.503.699</b>	<b>5.242.503.699</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.868.458.676	1.868.458.676
Tiền lãi phân bổ trong năm	258.386.401	116.942.568
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>2.246.845.077</u></b>	<b><u>2.105.401.244</u></b>

**14 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	2.970.000.000	1.070.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.400.000.000	1.400.000.000
	<b><u>4.370.000.000</u></b>	<b><u>2.470.000.000</u></b>

Tại ngày 31/12/2020, trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty bao gồm 297 trái phiếu mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 13%/năm; Trái phiếu dài hạn của Công ty bao gồm 140 trái phiếu mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 13%/năm.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty CP Giải pháp và phần mềm Việt Nam	493.550.000	57.550.000
	<b><u>493.550.000</u></b>	<b><u>57.550.000</u></b>

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	58.160.862	51.301.771
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.292.138.130	6.177.656.543
Thuế Thu nhập cá nhân	1.813.984.840	1.140.691.593
Các loại thuế khác	46.919.769	6.040.703
	<b><u>6.211.203.601</u></b>	<b><u>7.375.690.610</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí mua tài sản cố định	3.451.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	94.861.918	-
	<b><u>3.545.861.918</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	270.563.257	73.914.794
	<b>301.863.257</b>	<b>73.914.794</b>

**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Hồ Hưng	9,54%	32.449.000.000	4,70%	16.000.000.000
Các cổ đông khác	90,46%	307.840.000.000	95,30%	324.289.000.000
	<b>100%</b>	<b>340.289.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>340.289.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	59.336.306.818	34.102.232.909
Lợi nhuận chưa thực hiện	(764.298.450)	(777.743.519)
	<b>58.572.008.368</b>	<b>33.324.489.390</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	34.102.232.909	10.238.903.077
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(764.298.450)	(777.743.519)
Lãi đã thực hiện năm này tính từ đầu năm	25.234.073.909	23.863.329.832
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	59.336.306.818	34.102.232.909
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>59.336.306.818</b>	<b>34.102.232.909</b>

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	340.289.000.000	340.289.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	340.289.000.000	135.289.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	205.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	340.289.000.000	340.289.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**e) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.028.900	34.028.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.028.900	34.028.900
- Cổ phiếu phổ thông	34.028.900	34.028.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.028.900	34.028.900
- Cổ phiếu phổ thông	34.028.900	34.028.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.021.950.000	1.021.940.000
	<b>1.021.950.000</b>	<b>1.021.940.000</b>

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	20.360.000.000	20.360.000.000
	<b>20.360.000.000</b>	<b>20.360.000.000</b>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	97.082.510.000	245.310.910.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.150.000	4.150.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	28.748.180.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.611.300.000	4.791.300.000
	<b>129.446.140.000</b>	<b>250.106.360.000</b>

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	669.970.000	10.600.000.000
	<b>669.970.000</b>	<b>10.600.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>1.937.523.764</b>	<b>539.692.977</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	1.937.523.764	539.692.977
	<u><b>1.937.523.764</b></u>	<u><b>539.692.977</b></u>

**25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>1.937.523.764</b>	<b>539.692.977</b>
1.1 Nhà đầu tư trong nước	1.937.523.764	539.692.977
	<u><b>1.937.523.764</b></u>	<u><b>539.692.977</b></u>

**26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	<b>8.749.475.914</b>	<b>16.688.754.815</b>
1.1 Phải trả gốc margin	8.730.598.614	16.483.673.329
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	8.730.598.614	16.483.673.329
1.2 Phải trả lãi margin	18.877.300	205.081.486
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	18.877.300	205.081.486
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	<b>7.628.778.949</b>	<b>3.479.778.887</b>
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	7.628.778.949	3.479.778.887
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	7.628.778.949	3.479.778.887
	<u><b>16.378.254.863</b></u>	<u><b>20.168.533.702</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**27 . THU NHẬP**

**a) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

	Giá trị mua theo số kê toán		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2020		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2020		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
	VND	VND	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
<b>FVTPL</b>	<b>51.231.525.500</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>6.855.700</b>	<b>(771.118.700)</b>	<b>412.931</b>	<b>(778.121.000)</b>	<b>39.855.269</b>	<b>(26.410.200)</b>	<b>39.855.269</b>	<b>(26.410.200)</b>
Cổ phiếu niêm yết	-	710.200	710.200	-	405.931	-	304.269	-	304.269	-
- Cổ phiếu lẻ	-	710.200	710.200	-	405.931	-	304.269	-	304.269	-
Cổ phiếu Upcom	933.725.500	168.752.300	6.145.500	(771.118.700)	7.000	(778.121.000)	39.551.000	(26.410.200)	39.551.000	(26.410.200)
- NOS	788.725.500	17.606.800	-	(771.118.700)	-	(744.708.500)	-	(26.410.200)	-	(26.410.200)
- BLJ	145.000.000	151.137.500	6.137.500	-	-	(33.412.500)	39.550.000	-	39.550.000	-
- Cổ phiếu lẻ	-	8.000	8.000	-	7.000	-	1.000	-	1.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.297.800.000	50.297.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DIFCK)	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXY)	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Đông Á (DAU)	49.872.800.000	49.872.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>51.231.525.500</b>	<b>50.467.262.500</b>	<b>6.855.700</b>	<b>(771.118.700)</b>	<b>412.931</b>	<b>(778.121.000)</b>	<b>39.855.269</b>	<b>(26.410.200)</b>	<b>39.855.269</b>	<b>(26.410.200)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	-	7.740.500
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	16.307.216.267	14.335.847.000
Từ các khoản cho vay	7.386.608.477	325.974.039
	<b>23.693.824.744</b>	<b>14.669.561.539</b>

**c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>141.443.833</b>	-
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	141.443.833	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>141.443.833</b>	-

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	2.883.100	120.027.499
	<b>2.883.100</b>	<b>120.027.499</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.628.171.717	2.608.794.994
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	238.062.894	230.485.539
Chi phí vật tư văn phòng	17.171.960	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.690.000	116.605.350
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.364.487.574	160.668.038
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.913.249	96.845.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.267.628	625.116.297
Chi phí khác	27.188.874	242.798.586
	<b>4.568.953.896</b>	<b>4.081.313.804</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	166.332.928	116.398.146
Các khoản khác	9.527.425	-
	<b>175.860.353</b>	<b>116.398.146</b>

**31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.328.314.021	29.848.927.728
Các khoản điều chỉnh tăng	(179.777.997)	-
- <i>Lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại tài sản tài chính</i>	(13.445.069)	-
- <i>Các khoản bị phạt</i>	(166.332.928)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(7.740.500)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(7.740.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	29.148.536.024	29.841.187.228
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thuế suất hiện hành	5.829.707.205	5.968.237.446
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(1.748.912.162)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.080.795.043</b>	<b>5.968.237.446</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.177.656.543	1.582.035.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.966.313.456)	(1.372.616.229)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>4.292.138.130</b>	<b>6.177.656.543</b>

(\*) Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	25.247.518.978	23.880.690.282
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.247.518.978	23.880.690.282
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34.028.900	32.737.119
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>742</b>	<b>729</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.753.583.036	-	1.544.325.537	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.467.262.500	-	50.453.956.700	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	232.120.000.000	-	234.570.000.000	-
Các khoản cho vay	16.359.377.563	-	19.963.452.216	-
Các khoản phải thu	44.254.631.327	-	14.693.751.567	-
	<b>346.954.854.426</b>	<b>-</b>	<b>321.225.486.020</b>	<b>-</b>
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Trái phiếu phát hành			4.370.000.000	2.470.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			795.413.257	131.464.794
Chi phí phải trả			3.545.861.918	-
			<b>8.711.275.175</b>	<b>2.601.464.794</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.467.262.500	-	-	50.467.262.500
	<u>50.467.262.500</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.467.262.500</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.453.956.700	-	-	50.453.956.700
	<u>50.453.956.700</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.453.956.700</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.753.583.036	-	-	3.753.583.036
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	232.120.000.000	-	232.120.000.000
Các khoản cho vay	16.359.377.563	-	-	16.359.377.563
Các khoản phải thu	44.254.631.327	-	-	44.254.631.327
	<b>64.367.591.926</b>	<b>232.120.000.000</b>	<b>-</b>	<b>296.487.591.926</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.544.325.537	-	-	1.544.325.537
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	234.570.000.000	-	234.570.000.000
Các khoản cho vay	19.963.452.216	-	-	19.963.452.216
Các khoản phải thu	14.693.751.567	-	-	14.693.751.567
	<b>36.201.529.320</b>	<b>234.570.000.000</b>	<b>-</b>	<b>270.771.529.320</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	2.970.000.000	1.400.000.000	-	4.370.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	795.413.257	-	-	795.413.257
Chi phí phải trả	3.545.861.918	-	-	3.545.861.918
	<b>7.311.275.175</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.711.275.175</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Trái phiếu phát hành	1.070.000.000	1.400.000.000	-	2.470.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	131.464.794	-	-	131.464.794
	<u><u>1.201.464.794</u></u>	<u><u>1.400.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.601.464.794</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	3.257.223.199	16.347.071.536	17.307.052.310	36.911.347.045	36.911.347.045
Chi phí hoạt động	536.602.238	26.410.200	1.834.803.651	2.397.816.089	2.397.816.089
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.883.100	2.883.100
Chi phí không phân bổ	-	-	-	5.023.366.515	5.023.366.515
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>2.720.620.961</b>	<b>16.320.661.336</b>	<b>15.472.248.659</b>	<b>29.493.047.541</b>	<b>29.493.047.541</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	9.002.515.104	313.359.109.500	74.106.977.563	396.468.602.167	396.468.602.167
Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.603.384.977	18.603.384.977
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.002.515.104</b>	<b>313.359.109.500</b>	<b>74.106.977.563</b>	<b>415.071.987.144</b>	<b>415.071.987.144</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	4.907.500.000	4.907.500.000	4.907.500.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	10.552.478.776	10.552.478.776
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.907.500.000</b>	<b>15.459.978.776</b>	<b>15.459.978.776</b>
<b>Theo khu vực địa lý</b>					

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	561.951.000	561.951.000

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>			
Tăng các chi phí phi tiền tệ	07	12.000	(234.569.988.000)
Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (	32	(234.570.000.000)	-
Lãi vay đã trả	44	-	(73.914.795)
Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	-	73.914.795
<b>Cộng</b>		<b>(234.569.988.000)</b>	<b>(234.569.988.000)</b>


Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

